TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 159/2026/DS-ST
Ngày 08 tháng 06 năm 2026
V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-CÀ MAU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Yến Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Luân**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**– Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 669/2025/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXXST – DS ngày 15 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp 2A, xã P, tỉnh C

- Bị đơn: Bà Đoàn Ngọc H

Địa chỉ: Khóm H, phường G, tỉnh C

(Bà Nguyễn Thị N có mặt; Bà Đoàn Ngọc H vắng mặt không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2025, bà N chó cho bà Đoàn Ngọc H nhà ở Khóm Hộ Phòng mượn số tiền 12.000.000đồng, khi cho mượn không có làm giấy tờ, bà có thường xuyên đòi nhưng bà H cứ hứa hẹn hoài nên bà N có thưa ra ấp 2- xã Tân Phong nay là ấp 2A, xã Phong Thạnh. Ngày 27/06/2025, cán bộ ấp 2, xã Tân Phong là ông Trần Bảo Toàn có mời bà N và bà H làm việc tại ấp 2, có lập biên

bản thỏa thuận là mỗi tháng bà H trả cho bà N 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, bà H trả được 2 tháng là 4.000.000đồng thì không trả nữa. Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Đoàn Ngọc H trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 8.000.000đồng.

Đối với bị đơn bà Đoàn Ngọc H: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự theo quy định của pháp luật, nhưng bà Đoàn Ngọc H vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Đoàn Ngọc H theo quy định tại các khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đầy đủ thành viên và thư ký phiên tòa, từ khi thụ lý đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt lần thứ hai nên toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn khởi kiện của Nguyễn Thị N. Buộc bà Đoàn Ngọc H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Nguyễn Thị N số tiền là 8.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bà Đoàn Ngọc H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Đoàn Ngọc H trả số tiền 8.000.000đồng, căn cứ yêu cầu là biên bản hòa giải tại ấp 2- Tân Phong ngày 27/06/2025.

Hội đồng xét xử xem xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ vì ngày 21/04/2026, tòa án tiến hành xác minh ông Trần Bảo Toàn – Chi ủy viên, Trưởng ban công tác mặt trận của ấp 2A- xã Phong Thạnh thì ông Toàn xác định ông là người tiến hành hòa giải và ghi biên bản ngày 27/06/2025, bà H có tham gia hòa giải đã thừa nhận có nợ bà N số tiền 12.000.000đồng, hứa hẹn là mỗi tháng trả 2.000.000đồng và bà H có ký tên vào biên bản. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là căn cứ để chứng minh bà H có nợ tiền bà N là có xảy ra trên thực tế.

Tại phiên tòa bà N xác định bà H mượn 12.000.000đồng, đã trả được 4.000.000đồng và còn nợ lại 8.000.000đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị N đối với bà Đoàn Ngọc H là có cơ sở nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử buộc bà Đoàn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyễn Thị N số tiền 8.000.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Đoàn Ngọc H phải chịu do yêu cầu của Nguyễn Thị N được chấp nhận. Nguyễn Thị N được hoàn lại đủ số tiền đã dự nộp.

Xét thấy, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 8- Cà Mau là phù hợp nên được ghi nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 măm 2016.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Đoàn Ngọc H.

Buộc bà Đoàn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N 8.000.000đồng.

2/Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Đoàn Ngọc H nộp tiền án phí là 400.000đồng tại Phòng thi hành án dân sự Khu Vực 8- Cà Mau.

- Bà Nguyễn Thị N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0004817 ngày 18/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 8- Cà Mau.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

- Nơi nhận:

+ TAND tỉnh;
+ VKSND cùng cấp;
+ THADS;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Yến Ngọc